

## VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG TRONG KHỦNG HOẢNG NGOẠI GIAO NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI\*

Lý Thị Hải Yến\*\* - Trần Thị Hương\*\*\*

### Tóm tắt

*Trong bối cảnh các cuộc khủng hoảng ngoại giao gia tăng cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, truyền thông không chỉ đóng vai trò đưa tin, phản ánh sự kiện, mà còn trở thành một lực lượng có ảnh hưởng sâu sắc, chi phối mạnh mẽ đến cách thức các cuộc khủng hoảng ngoại giao được hình thành, tiếp cận và xử lý trên trường quốc tế. Trong thời kỳ truyền thông kỹ thuật số, mối quan hệ giữa truyền thông quốc tế và quan hệ quốc tế trở nên phức tạp, đa chiều, tương tác cao và không thể tách rời nhau. Điều đó đòi hỏi các quốc gia phải định hình lại chiến lược truyền thông đối ngoại trong khuôn khổ của một trật tự truyền thông toàn cầu đang không ngừng biến đổi. Bài viết dựa trên hướng tiếp cận lý thuyết vai trò truyền thông trong quan hệ quốc tế để đi sâu phân tích đặc điểm và vai trò truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao, phân tích hai trường hợp điển hình, từ đó, đề xuất khung đánh giá ảnh hưởng của truyền thông quốc tế trong lĩnh vực này.*

**Từ khóa:** Truyền thông, truyền thông quốc tế, khủng hoảng ngoại giao, dư luận.

---

\* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “Cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn trên truyền thông quốc tế và bài học cho Việt Nam trong truyền thông chính sách đối ngoại”.

\*\* TS., Giảng viên Khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao, Học viện Ngoại giao.

\*\*\* TS., Giảng viên Khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại, Học viện Ngoại giao.

### Mở đầu

Truyền thông và quan hệ quốc tế là hai lĩnh vực luôn có sự tương tác và phát triển song hành. Truyền thông đưa tin và phản ánh mọi diễn biến xảy ra trong đời sống chính trị quốc tế, nhưng đời sống chính trị quốc tế cũng gắn liền với những gì đang được truyền thông nêu ra. Dưới tác động của toàn cầu hóa, đặc biệt là tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, truyền thông ngày càng tham gia sâu rộng vào các vấn đề quốc tế. Nếu như trước đây, khi xung đột - khủng hoảng xảy ra có thể bị che giấu bởi nhà nước và chính phủ, thì ngày nay các nhà nước, chính phủ rất khó có thể bưng bít, che giấu hay chi phối truyền thông, đặc biệt là internet và hệ thống truyền thông vệ tinh toàn cầu bởi tính đa dạng của các chủ thể. Chỉ một vài chục giây ghi âm cuộc hội thoại giữa các nguyên thủ, hay những bức điện mật cấp cao được công khai trên internet, diễn biến quan hệ của hai quốc gia có thể đã sang một trang khác. Những câu chuyện như vậy đã không còn hiếm trong môi trường ngoại giao truyền thông ngày nay.

Truyền thông không chỉ đóng vai trò phản ánh, mà đã trở thành một thực thể có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống chính trị quốc tế. Truyền thông tạo dựng một “sân khấu” toàn cầu, nơi mọi hành động, phát ngôn và quyết sách của các chủ thể quốc tế đều được đặt dưới áp lực của công luận. Vì vậy, các nhà lãnh đạo buộc phải cân nhắc kỹ lưỡng từng bước đi, bởi chỉ một sai lầm trong thông điệp hay hành động cũng có thể dẫn đến tổn hại nghiêm trọng về hình ảnh và uy tín trên trường quốc tế. Hay nói cách khác, ở một mức độ nào đó, truyền thông và công luận đang định hình sân khấu chính trị thế giới, can dự vào giải quyết xung đột nói chung và khủng hoảng nói riêng.

Những thập niên đầu thế kỷ XXI, các cuộc khủng hoảng ngoại giao được truyền thông quốc tế đưa tin rộng rãi và thu hút dư luận toàn cầu. Có thể kể đến như: (i) Khủng hoảng ngoại giao vùng Vịnh năm

2017 (bắt nguồn từ những cáo buộc của các nước vùng Vịnh cho rằng Ca-ta tài trợ cho các tổ chức khủng bố, dẫn đến việc website Cơ quan truyền thông chính thức của Ca-ta bị tấn công với phát ngôn sai lệch, sau đó bảy quốc gia vùng Vịnh (gồm Ả-rập Xê-út, Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE), Ba-ranh, Ai Cập, Li-bi, Yê-men và Man-đi-vơ) cắt đứt quan hệ ngoại giao với Ca-ta. Đỉnh điểm, các quốc gia chống Ca-ta công bố danh sách 13 yêu cầu mà Doha phải đáp ứng để bình thường hóa quan hệ, trong đó yêu cầu thứ 13 là chấm dứt phát sóng kênh truyền thông quốc gia Al Jazeera của Ca-ta); (ii) Khủng hoảng ngoại giao Nga - Anh năm 2018 trong vụ cựa sĩ quan quân đội Nga Sergei Skripal, người cũng bị cáo buộc là điệp viên hai mang của cơ quan tình báo Vương quốc Anh, và con gái của ông, Yulia Skripal, đã bị đầu độc ở thành phố Salisbury, Anh. Ở mỗi một sự kiện, đều cho thấy vai trò của truyền thông trong việc khởi xướng và là chất xúc tác trong toàn bộ diễn biến của sự việc dẫn tới khủng hoảng ngoại giao. Từ truyền thông quốc tế, khủng hoảng ngoại giao đã thu hút sự theo dõi và quan tâm của cả chính giới và công chúng toàn cầu.

### **Các khái niệm liên quan**

Để hiểu đầy đủ về vai trò của truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao, cần xem xét kỹ một số khái niệm liên quan.

### ***Truyền thông và truyền thông quốc tế***

Tuy không phải là một lĩnh vực mới, nhưng khái niệm truyền thông luôn có sự thay đổi về nội hàm do tính chất thay đổi và phát triển liên tục của nó. Truyền thông là một quá trình nguồn phát sắp xếp, lựa chọn và chia sẻ các ký hiệu để truyền tới đối tượng tiếp nhận, làm cho đối tượng tiếp nhận thấy và cảm nhận được ý nghĩa, mục đích tương tự

với ý định và mục đích của đối tượng truyền đạt,”<sup>1</sup> và là tất cả những cách thức mà một người có thể ảnh hưởng đến tâm trí của người khác,”<sup>2</sup> theo Claude Shannon - người được biết đến là cha đẻ của lý thuyết thông tin. Khi sử dụng các phương tiện kỹ thuật để truyền đi thông điệp tới số đông công chúng, vượt ra khỏi biên giới lãnh thổ, có tính liên kết các quốc gia, hoặc toàn cầu, quá trình đó gọi là truyền thông quốc tế, hoặc truyền thông toàn cầu (thuật ngữ xuất hiện trong bối cảnh toàn cầu hóa của những năm đầu thế kỷ XXI tới nay). Khái niệm truyền thông toàn cầu dần dần được sử dụng phổ biến hơn, với ý nghĩa là một môi trường truyền thông không có rào cản biên giới, truyền bá các ý tưởng tự do và hoạt động độc lập bất kể những khác biệt về thể chế hay văn hóa giữa các quốc gia, các khu vực và nền văn hóa. Các kênh tin tức toàn cầu này được coi như một hình thức của quyền lực mềm trong thế kỷ XXI, nơi mà mọi thông tin đều được công khai hóa và thách thức sự quản trị của các nhà nước.

### ***Khủng hoảng ngoại giao***

Theo nhóm tác giả, khủng hoảng ngoại giao trong quan hệ quốc tế hiện nay có thể được tiếp cận dưới hai góc độ: (i) sự cố ngoại giao là một trong những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng ngoại giao; (ii) bất đồng quan điểm chính trị trong quan hệ quốc tế dẫn đến khủng hoảng ngoại giao.

Với cách tiếp cận thứ nhất, sự cố ngoại giao và khủng hoảng ngoại giao có liên quan chặt chẽ với nhau, thuộc mối quan hệ nguyên nhân - kết quả. Theo G. R. Berridge và Alan James, sự cố ngoại giao là một sự kiện làm xấu đi quan hệ ngoại giao giữa các bên liên quan và dựa trên các mức độ ảnh hưởng có thể dẫn tới một cuộc khủng hoảng về mặt

<sup>1</sup> JR Wilson & Stan LR. Wilson, *Mass media mass culture* (McGraw-Hill, 1993), 12.

<sup>2</sup> Warren Weaver, *The mathematical theory of communication* (University of Illinois Press, 1963), 6.

ngoại giao.<sup>3</sup> Các sự cố ngoại giao không những có thể nảy sinh thông qua bất kỳ sự kiện nào, từ các hành động không lường trước, liên quan đến nhà nước, quan chức chính phủ hay công dân của một quốc gia, mà còn có thể dẫn tới nhận thức, hành động mâu thuẫn giữa các quốc gia. Dù là vô tình hay cố ý, sự cố ngoại giao cũng sẽ cản trở tiến trình liên lạc bình thường giữa các bên và gây ra ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa các chính phủ cũng như các phái đoàn ngoại giao. James L. Richardson định nghĩa khủng hoảng ngoại giao là một tình huống nghiêm trọng trong quan hệ quốc tế, nó có ý nghĩa và tác động quan trọng hơn một sự việc hay sự cố ngoại giao, vì nó đe dọa trực tiếp đến hòa bình và có thể dẫn đến chiến tranh.<sup>4</sup> Một sự cố ngoại giao thường là một biến cố cụ thể, đơn lẻ, có thể gây căng thẳng tạm thời, nhưng không nhất thiết dẫn đến đổ vỡ quan hệ. Trong khi đó, khủng hoảng ngoại giao là một giai đoạn căng thẳng trong quan hệ ngoại giao, kéo dài hơn và có mức độ nghiêm trọng hơn. Không phải mọi sự cố ngoại giao đều trở thành khủng hoảng, nhưng khủng hoảng ngoại giao thường bắt đầu từ một hoặc nhiều sự cố tích tụ, và phát triển thành trạng thái mất lòng tin cũng như căng thẳng ngoại giao, thậm chí kéo dài dẫn tới đóng băng quan hệ các quốc gia.

Như vậy, khủng hoảng ngoại giao có thể dẫn đến các xung đột quốc tế nếu các biện pháp ngoại giao thất bại. Khủng hoảng ngoại giao là giai đoạn căng thẳng, nhưng vẫn nằm trong giới hạn kiểm soát của ngoại giao, còn xung đột quốc tế là giai đoạn leo thang khi ngoại giao thất bại và các bên chuyển sang hành động mang tính đối đầu trực tiếp. Quá trình này liên quan chặt chẽ đến sự ra quyết định của các lãnh đạo cấp cao và có khả năng tiềm ẩn nguy cơ xung đột hoặc chiến tranh. Đặt khủng hoảng ngoại giao trong bối cảnh chính trị và xã hội, Raul

<sup>3</sup> Geoff R. Berridge, *A dictionary of diplomacy*, (Palgrave Macmillan, 2003), 133.

<sup>4</sup> James L. Richardson, *Crisis Diplomacy: The Great Powers since the Mid-Nineteenth Century* (Cambridge University Press, 1994), 35.

Delcorde, nhà ngoại giao người Bỉ, cho rằng: “khủng hoảng ngoại giao là một hành động có chủ ý, làm chuyển đổi bản chất của mối quan hệ giữa các quốc gia. Khi đó, khủng hoảng ngoại giao vi phạm các nguyên tắc chung mang tính chi phối quan hệ giữa các quốc gia. Biểu hiện của khủng hoảng ngoại giao có thể trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các hành động có tổ chức như biểu tình, các chiến dịch trên các phương tiện truyền thông, hoặc thậm chí gây ra các mối đe dọa.”<sup>5</sup>

Tóm lại, có thể nhận diện khủng hoảng ngoại giao như sau: (i) là một hiện tượng thường xuyên và khó tránh khỏi trong tiến trình tương tác của quan hệ quốc tế; (ii) là hành động vô tình hoặc cố ý, có thể làm chuyển đổi bản chất của mối quan hệ giữa các quốc gia; (iii) có biểu hiện vi phạm các nguyên tắc chung mang tính chất chi phối quan hệ giữa các quốc gia; (iv) có sự tham gia của hai hay nhiều chủ thể trong quan hệ quốc tế. Các chủ thể này có sự phụ thuộc, liên quan trong một bối cảnh cụ thể; (v) các chủ thể tham gia có sự khác biệt hoặc có sự mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội - văn hóa hoặc tư tưởng. Về dấu hiệu nhận biết sớm, một sự kiện gây ra khủng hoảng ngoại giao có thể bắt đầu từ sai lệch trong nhận thức văn hóa, lỗi nghi lễ ngoại giao, cho đến các vi phạm nghiêm trọng như phát ngôn xúc phạm, trừng phạt ngoại giao, triệu hồi hoặc trục xuất đại sứ, thậm chí cắt đứt quan hệ. Những biểu hiện này không chỉ phản ánh mâu thuẫn nhất thời, mà còn cho thấy những vết nứt trong lòng tin giữa các bên liên quan.

### **Đặc điểm truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao**

Bàn về hướng đi mới trong truyền thông chính trị, David L. Swanson và Dan Nimmo cho rằng truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao là cách sử dụng chiến lược truyền thông để tác động đến tri

<sup>5</sup> Raoul Delcorde, *Les mots de la Diplomatie* (L'Harmattan, Paris, 2015), 173.

thức, niềm tin và hành động của công chúng đối với các vấn đề chính trị trong khủng hoảng.<sup>6</sup> Hai học giả truyền thông đều nhấn mạnh vào bản chất chiến lược của truyền thông chính trị, đề cao vai trò của tính thuyết phục trong diễn ngôn chính trị để xử lý khủng hoảng nhằm đảm bảo mục đích và quyền lợi quốc gia. Brian McNair nhận định truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao là việc sử dụng yếu tố truyền thông như một quyền lực giao tiếp, phục vụ mục đích chính trị, bằng cách sử dụng các kỹ thuật khoa học công nghệ trong truyền thông để thao túng động cơ, hành vi và bối cảnh của khủng hoảng.<sup>7</sup> Như vậy, truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao là quá trình truyền tải và phổ biến thông tin của một quốc gia thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng để bày tỏ quan điểm, lập trường của quốc gia đó về cuộc khủng hoảng đặt trong quan hệ quốc tế và toàn cầu.

Truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao có bốn đặc điểm chính là:

*Một là*, tính lập lờ, nước đôi trong thông điệp truyền phát. Từ lâu, lối nói lập lờ, nước đôi vốn được xem là nghệ thuật đỉnh cao của ngôn từ, được sử dụng linh hoạt bởi giới chính trị gia là chủ yếu.<sup>8</sup> Có thể nói, thay vì đưa ra các thông điệp ngoại giao (diplomatic message) với tính chất khẳng định, truyền thông đã truyền phát những tín hiệu ngoại giao (diplomatic signal), một cách “biến tấu” khác của lối nói lập lờ nước đôi. Trước hết, phải làm rõ rằng, các tín hiệu ngoại giao này xuất phát từ

<sup>6</sup> David L. Swanson, Dan Nimmo, *New Directions in Political Communication: A Resource Book* (Sage Publications, Inc; 1990).

<sup>7</sup> Brian McNair, *An Introduction to Political Communication*, Volume 1 (Routledge, 2011).

<sup>8</sup> Garry Littman, “Doublespeak: the corruption of language and mind”, 1/7/2014, [https://www.bilan.ch/opinions/garry-littman/doublespeak\\_the\\_corruption\\_of\\_language\\_and\\_mind](https://www.bilan.ch/opinions/garry-littman/doublespeak_the_corruption_of_language_and_mind).

nguồn phát có độ tin cậy cao - phát ngôn viên chính thức của Bộ Ngoại giao các nước liên quan đến khủng hoảng. Đôi khi, trong thời khắc quan hệ song phương hoặc đa phương giữa các chủ thể ngoại giao đang chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi khủng hoảng ngoại giao, sự mơ hồ trong các tín hiệu ngoại giao giúp các chủ thể này che giấu được những thông tin quan trọng. Trên hết, sự không rõ ràng có chủ đích này khiến các chủ thể truyền phát dễ dàng hơn khi phủ nhận vấn đề nào đó.

*Hai là*, tốc độ truyền phát thông tin nhanh chóng. Sự can dự của truyền thông vào vấn đề chính trị làm cho nó trở nên “khủng hoảng” ở mức độ tức thì, khi ngoại giao từ bí mật thành công khai hóa cho toàn nhân loại dưới ống kính truyền thông, tin tức và hình ảnh được truyền đi gần như đồng thời với thời gian sự kiện xảy ra. Để đối phó với tin tức từ cuộc khủng hoảng và các luồng dư luận gây ra bởi cuộc khủng hoảng, các kênh truyền thông cũng được sử dụng để đưa tin nhanh chóng, buộc các chính phủ phải hồi đáp khẩn cấp những câu hỏi của người dân và đưa ra quan điểm để bảo toàn uy tín trước những luồng tin đang nổi lên. Vụ rò rỉ tin mật của WikiLeaks (đặc biệt là năm 2010, khi công bố hơn 250.000 điện tín ngoại giao của Bộ Ngoại giao Mỹ) đã tạo ra phản ứng mạnh mẽ từ nhiều quốc gia. Một số chính phủ đồng minh với Mỹ thì lo ngại cho tình hình an ninh và ảnh hưởng tới quan hệ các nước, trong khi một số quốc gia khác cáo buộc Mỹ có hành động mờ ám nhằm tạo ra “sự sợ hãi và chia rẽ quốc tế.”<sup>9</sup> Chính quyền Mỹ lên án gay gắt, coi hành động này là đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia và tính mạng của nhiều nhà ngoại

<sup>9</sup> WikiLeaks US embassy cables: live updates, *Guardian*, 30/11/2010, <https://www.theguardian.com/news/blog/2010/nov/30/wikileaks-us-embassy-cables-live-updates>.

giao, đồng thời Bộ Ngoại giao Mỹ tiến hành kiểm tra thiệt hại và siết chặt quy trình bảo mật.<sup>10</sup>

*Ba là*, tác động đa đối tượng, đa nội dung và đa chiều. Trước kia, với sự tham gia của truyền thông vào các vấn đề chính trị, các vấn đề chỉ được đưa tin theo hướng một chiều hay tin tức chỉ xuất hiện trong một cộng đồng đó do một chính phủ hoặc một bộ máy đứng đầu điều khiển. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của internet, các vấn đề vốn mang tính chất cá nhân hoặc quốc gia, đã được lan truyền cho cộng đồng quốc tế, tạo nên tác động tới nhiều quốc gia và các phe phái khác nhau. Từ đó, sẽ có những luồng thông tin đến từ những góc nhìn khác nhau đưa tin về cuộc khủng hoảng và gây nên những ảnh hưởng không chỉ ở quốc gia đó, mà còn lan rộng đến các quốc gia khác trong khu vực và toàn cầu; Vụ việc người bán hàng rong trên đường phố Tuy-ni-di tự thiêu xảy ra vào năm 2011 đã mở màn cho một phong trào biểu tình rộng khắp đất nước này và dần lan sang các nước Bắc phi lân cận. Mạng xã hội là kênh chủ yếu để nhóm phản đối chính phủ sử dụng để lan truyền các hình ảnh biểu tình chống chính phủ. Phong trào “Mùa xuân Ả-rập” kéo dài trong hơn một năm, để lại một khu vực châu Phi - Trung Đông chia rẽ và bạo lực liên tiếp xảy ra.<sup>11</sup>

*Bốn là*, mang mục đích chính trị. Quan hệ quốc tế cần truyền thông để khuếch tán thông điệp, truyền thông của các quốc gia tham gia vào cuộc khủng hoảng với mục đích gia tăng quyền lực, tầm ảnh hưởng. Truyền thông ngày càng chứng minh được sức ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu rộng của mình trên trường quốc tế, và mối quan hệ giữa truyền thông và quan hệ quốc tế rõ ràng là sự ràng buộc có chủ đích.

<sup>10</sup> Hillary Clinton attacks release of US embassy cables, *Guardian*, 29/11/2010,

<https://www.theguardian.com/world/2010/nov/29/clinton-reacts-us-embassy-cables>.

<sup>11</sup> “Social Media Made the Arab Spring, But Couldn’t Save It,” <https://www.wired.com/2016/01/social-media-made-the-arab-spring-but-couldnt-save-it>.

### **Vai trò thiết lập nghị sự và tạo “khung nhận thức” của truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao**

Nghị sự có nghĩa là bàn bạc, thảo luận ở nghị trường những vấn đề có tính chất thời sự. Chính vì thế, chương trình nghị sự là danh sách vấn đề ưu tiên cần bàn bạc và quan tâm. Dựa trên các lý thuyết nghiên cứu truyền thông, cho thấy truyền thông có vai trò đặc biệt trong thiết lập chương trình nghị sự và tạo khung nhận thức của công chúng quốc tế về một sự kiện.

Ở khả năng thiết lập chương trình nghị sự, hai nhà nghiên cứu lý thuyết Maxwell Mccombs và D. Shaw từ năm 1972 đã lập luận rằng thông qua việc đưa ra các tin tức lặp đi lặp lại, từ đó nâng cao tầm quan trọng của một vấn đề trong nhận thức của công chúng. Những gì truyền thông coi là quan trọng, thì công chúng cũng coi như vậy. McCombs và Shaw cũng chỉ ra rằng chương trình nghị sự gây ảnh hưởng lớn đến nhận thức công chúng, định hướng và thay đổi cách nghĩ của công chúng về sự kiện. Trong đó, nhà báo giữ vai trò là người gác cổng/người kiểm soát tin tức (gatekeeper), quyết định tin tức được đưa đến công chúng như thế nào, với định hướng ra sao.<sup>12</sup> Việc tập trung đưa tin của truyền thông vào một sự kiện, vấn đề cụ thể sẽ thu hút sự quan tâm của dư luận xã hội, và vấn đề đó sẽ tiếp tục được khai thác để đưa tin liên tục trên thời sự, trở thành chương trình nghị sự của truyền thông hướng tới công chúng. Từ nghị sự truyền thông cũng sẽ hình thành các chương trình nghị sự khác: như nghị sự của công chúng (public agenda), nghị sự chính sách (policy agenda). Toàn bộ quá trình này luôn có sự theo dõi đưa tin của truyền thông. Nói một cách khác, đây là một chu trình từ quan tâm của giới truyền thông tới mối quan tâm của công chúng rồi trở thành quan tâm

<sup>12</sup> Maxwell E. McCombs, Donald L. Shaw, and David H. Weaver, “New directions in agenda-setting theory and research.” In *Advances in foundational mass communication theories* (Routledge, 2018), 131-152.

chính sách và ngược lại. Xét về bản chất, đó chính là một vòng phản hồi khép kín đã được bàn luận rất nhiều trong khoa học truyền thông, là chuỗi các mắt xích có mối quan hệ nhân - quả, trong đó truyền thông - báo chí đóng vai trò khởi xướng, phân tích, định hướng dư luận xã hội. Bên cạnh đó, các nhà hoạch định chính sách, công chúng cũng có những tác động ngược trở lại với báo chí,<sup>13</sup> thúc đẩy báo chí mở rộng khai thác, làm rõ các góc khuất của vấn đề. Đó là một mối quan hệ biện chứng không thể tách rời.

Hiệu quả của thiết lập chương trình nghị sự của truyền thông sẽ dẫn đến bước tất yếu làm biến đổi, hay đóng khung nhận thức của công chúng về những vấn đề truyền thông đưa tin. Theo Erving Goffman, “khung” chính là những giản đồ diễn giải (schemata of interpretation) cho phép con người “xác định, tiếp nhận, định dạng và dán nhãn cho vô số những sự kiện diễn ra trong cuộc sống của họ.”<sup>14</sup> Gamson William cho rằng quá trình đóng khung của báo chí là “gần như hoàn toàn ngầm ẩn và được thừa nhận như lẽ tất nhiên. Cả nhà báo lẫn công chúng đều không nhận ra rằng đây thực chất là một quá trình kiến tạo xã hội (social construction), mà chỉ đơn giản xem nó là việc phóng viên phản ánh lại sự kiện.” Theo đó, việc đóng khung chính là quá trình “quyết định xem cái gì được chọn, cái gì bị loại bỏ và cái gì được nhấn mạnh. Nói tóm lại, tin tức cho chúng ta biết về một thế giới đã được đóng gói.”<sup>15</sup> Nhờ hai bước kiến tạo trên (thiết lập nghị sự và đóng khung), truyền thông có tác

---

<sup>13</sup> Chẳng hạn như, phản ứng khi các cơ quan tình báo Mỹ và báo chí lớn (như *New York Times*, *Washington Post*, *CNN*) đăng tin về việc Nga can thiệp bầu cử Mỹ năm 2016 và có thể đã giúp Donald Trump, ông Trump đã nhiều lần công khai chỉ trích báo chí Mỹ là “fake news” (tin giả). Sự chỉ trích đó đã thúc đẩy cho báo chí Mỹ có thêm nhiều tin tức đưa tin, và điều tra xung quanh vụ việc này.

<sup>14</sup> Erving Goffman, *Frame analysis: An essay on the organization of experience*, (Northeastern University Press, 1974), 21.

<sup>15</sup> William A. Gamson, “Goffman’s legacy to political sociology,” *Theory and society* 14, no. 5 (1985): 605-622.

động đặc biệt lớn đối với dư luận xã hội, và sự quản lý nhà nước của các chính phủ, cũng như chi phối các mối quan hệ xung quanh nó.

Với cơ chế thiết lập nghị sự và đóng khung, khi xảy ra sự cố hay khủng hoảng ngoại giao, truyền thông không chỉ khiến cho sự kiện trở thành chương trình nghị sự của tất cả các bên liên quan, mà còn tạo dựng hiểu biết của công chúng về vấn đề “theo cách mà truyền thông nghĩ” (khung nhận thức). Sự đóng khung có thể tạo ra lợi thế cho các chính phủ, hoặc gây tác dụng ngược. Mỗi một sự kiện khi trở thành tâm điểm của dư luận thường chia thành hai phía đồng tình hoặc phản đối, nhất là các sự kiện quốc tế còn bị ảnh hưởng với quan điểm chính trị, thể chế, mối quan tâm và lợi ích quốc gia. Những sự cố ngoại giao xảy ra có khi là chủ quan, là ý chí của nhà chính trị, cũng có khi là ngoài mong muốn của họ. Từ góc độ truyền thông thì thấy, phương tiện này có thể châm ngòi cho xung đột và thổi bùng xung đột, nhưng cũng có thể là nhân tố làm dịu xung đột, hay góp phần hòa giải xung đột.<sup>16</sup> Vì vậy, truyền thông có vai trò hết sức quan trọng trong xung đột quốc tế nói chung và trong khủng hoảng ngoại giao nói riêng.

Về phạm vi tác động, vai trò của truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao được tiếp cận theo hai cách: một là, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; hai là, theo các hướng tác động của truyền thông đối với chủ thể QHQT và công chúng trong nước và toàn cầu.

*Theo hướng tiếp cận thứ nhất*, trên lĩnh vực chính trị, truyền thông ngày càng thể hiện rõ tác động đối với việc phân bổ mô hình quyền lực quốc gia khi khủng hoảng diễn ra. Tùy thuộc vào mối quan hệ giữa truyền thông và chính trị trong mỗi quốc gia, khuynh hướng phân bổ quyền lực này sẽ diễn ra theo hai chiều ngược nhau. Chiều hướng thứ

---

<sup>16</sup> Lý Thị Hải Yến (chủ biên), *Giáo trình Truyền thông và Quan hệ quốc tế*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2020.

nhất, các phương tiện truyền thông tiếp tục là công cụ hậu thuẫn chính phủ trong khủng hoảng ngoại giao. Chiều hướng thứ hai, các phương tiện truyền thông thể hiện vai trò ngày càng phản biện độc lập với các chính sách, quyết định của chính phủ trong khủng hoảng. Nhu cầu làm rõ thông tin trong khủng hoảng của công chúng luôn đặt ra yêu cầu truyền thông cung cấp và giải thích thông tin. Do đó, đây là lúc thông qua quan sát truyền thông, có thể nhìn thấy những xu hướng phân cực của giới truyền thông và dư luận xã hội. Các nguồn chính thống thường ủng hộ chính phủ vì lợi ích quốc gia, trong khi đó, các “nhà báo công dân” trên mạng xã hội sẽ phân cực tùy theo quan điểm chính trị và cách tiếp cận của mỗi người, có khi ủng hộ, có khi không. Do đó, tác động của truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao hết sức phức tạp, đa dạng, và nhiều sắc thái, luồng dư luận khác nhau.

Trên lĩnh vực kinh tế, truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao vừa cung cấp thông tin, vừa là động lực phát triển kinh tế hoặc là tác nhân kìm hãm kinh tế. Việc các nền kinh tế tăng trưởng đến đâu trong và sau khủng hoảng phụ thuộc vào việc các hệ thống thông tin của nó làm việc hiệu quả đến mức nào, có đủ sức chống chọi với các tác động tiêu cực của khủng hoảng như các làn sóng tẩy chay trên truyền thông trong nước và thế giới hay không.

Trên lĩnh vực văn hóa, truyền thông có vai trò thúc đẩy giao lưu văn hóa hoặc làm gia tăng xung đột văn hóa khi khủng hoảng ngoại giao diễn ra. Truyền thông quốc tế đang mở ra một phổ giao lưu và tương tác rộng lớn với cường độ và tần suất mà lịch sử trước đó chưa từng biết đến. Internet và hệ thống truyền thông vệ tinh toàn cầu đang đem sự kiện xảy ra khắp nơi trên thế giới đến với từng nhà, do vậy sự chứng kiến, thái độ, cảm xúc, đặc biệt trong khủng hoảng ở một nơi nào đó sẽ có tác

động rất lớn đến công chúng thế giới.<sup>17</sup>

*Theo hướng tiếp cận thứ hai*, truyền thông có ba vai trò chính trong khủng hoảng ngoại giao là: (i) phương tiện kết nối - giao tiếp giữa nhà nước và nhân dân; (ii) thúc đẩy sự lên tiếng của các chủ thể quốc tế trong khủng hoảng ngoại giao; (iii) định hướng dư luận một cách có chủ đích theo các chiều hướng khác nhau:

*Đối với vai trò thứ nhất*, theo thời gian, truyền thông từ một phương tiện được truyền tải và cập nhật thông tin đơn thuần, trở thành một sợi dây kết nối vô hình giữa nhà nước và nhân dân. Truyền thông là công cụ giúp kết nối và gây thiện cảm của chính phủ nước này với công chúng và chính phủ nước khác. Các hoạt động ngoại giao công chúng vì vậy mà dễ dàng tiếp cận và gần gũi với công chúng nước ngoài hơn. Trong khủng hoảng ngoại giao, khi nhiều vấn đề còn đang bỏ ngõ và chưa kịp giải quyết triệt để, truyền thông một mặt giúp truyền đạt ý kiến, đề đạt nguyện vọng của người dân đến giới cầm quyền, mặt khác, là kênh thông tin lan tỏa chính kiến của nhà nước đến dư luận trong nước và quốc tế.

*Đối với vai trò thứ hai*, truyền thông góp phần thúc đẩy sự lên tiếng của các quốc gia liên quan đến khủng hoảng ngoại giao. Trên thế giới xảy ra không hiếm những khủng hoảng ngoại giao mang tính nghiêm trọng, thậm chí có thể “đóng băng” mối quan hệ của các quốc gia, tuy nhiên trong nhiều trường hợp, các nhà ngoại giao tỏ ra thận trọng bằng cách chọn im lặng, tránh né, từ chối đưa ra quan điểm hay bất kỳ thông tin hữu ích nào. Điều này dẫn đến việc lan truyền những thông điệp không rõ ràng và xác thực đến công chúng, thậm chí gián tiếp gây ra sự hiểu nhầm giữa các chủ thể. Trong bối cảnh đó, truyền thông, bằng

<sup>17</sup> Phạm Thái Việt, Lý Thị Hải Yến, *Ngoại giao văn hóa - Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2012, 86.

cách này hay cách khác, đang tạo sức ép để các nhà ngoại giao phải đưa ra thông điệp nhất định, thay vì để các nước được quyền im lặng.

Đối với vai trò thứ ba, truyền thông luôn được xem là kênh hiệu quả giúp định hướng dư luận bằng nhiều cách thức khác nhau. Giữa khủng hoảng ngoại giao, vai trò này càng được củng cố và phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Rõ ràng, trong một thời điểm nhạy cảm như vậy, các nhà nước luôn ra sức bằng mọi cách “tăng bạn, bớt thù.” Nói cách khác, thông qua truyền thông, các nhà nước, chính phủ tuyên truyền ý thức hệ hoặc lập trường quốc gia một cách rõ ràng nhằm tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận trong và ngoài nước. Bên cạnh việc bảo vệ quan điểm và lôi kéo sự đồng tình về phía mình, truyền thông còn được sử dụng nhằm tỏ rõ sự phản đối, thậm chí công kích quốc gia còn lại liên quan đến khủng hoảng.

### **Khung đánh giá ảnh hưởng của truyền thông quốc tế trong khủng hoảng ngoại giao**

Khủng hoảng ngoại giao có thể xảy ra bất cứ khi nào trong môi trường quốc tế hiện nay, nhất là khi mọi hoạt động đều được công khai dưới góc nhìn của truyền thông toàn cầu. Mặc dù “khủng hoảng không bắt đầu từ truyền thông,”<sup>18</sup> nhưng truyền thông lại tham gia vào tất cả các bước trong diễn biến giải quyết sự kiện khủng hoảng. Vì vậy, khi sự cố hay khủng hoảng ngoại giao xảy ra, việc đánh giá các nhân tố tác động tới diễn biến của sự kiện là điều mà các nhà nghiên cứu chính sách thường xuyên phải xử lý, trong đó truyền thông luôn là một nhân tố không thể bỏ qua. Nhìn nhận sự kiện cần đặt trong mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa... trên cả ba cấp độ: hệ thống toàn cầu, quốc gia và cá nhân, mà trong chuỗi các yếu tố liên quan đó,

<sup>18</sup> Lê Quốc Vinh, *Khủng hoảng không bắt đầu từ truyền thông* (Hà Nội: Nxb. Dân trí, 2024).

truyền thông tham gia vào tất cả các khâu. Ba cấp độ này có ảnh hưởng khác nhau, tùy mức độ tới từng giai đoạn của cuộc khủng hoảng. Việc phân tích tầm quan trọng tương đối của mỗi cấp độ còn phụ thuộc vào bản chất, nguyên nhân và bối cảnh của mỗi bên liên quan, và nó cũng “không đơn giản là việc nghiên cứu tác động của A đối với B như là hai thực thể đứng yên.”<sup>19</sup> Từ quan điểm này, chúng tôi cho rằng, truyền thông tác động tới khủng hoảng ngoại giao cụ thể như sau:

Ở cấp độ toàn cầu: Một cuộc khủng hoảng ngoại giao sẽ thu hút sự chú ý của truyền thông quốc tế thông qua các phương tiện truyền thông xuyên quốc gia dựa trên nhu cầu thông tin và lợi ích quốc gia của từng chủ thể. Về bản chất, truyền thông tác động vào dư luận xã hội, thiết lập nên các chương trình nghị sự toàn cầu. Cấp độ phân tích toàn cầu xuất phát từ quan điểm cho rằng các quốc gia và các chủ thể quan hệ quốc tế (QHQT) vận hành trong một hệ thống chính trị xã hội toàn cầu mà ở đó các đặc điểm cụ thể của hệ thống góp phần quyết định mô thức tương tác giữa các chủ thể.<sup>20</sup>

Ở cấp độ quốc gia: Truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao tác động tới mọi mặt của các nước (từ kinh tế, chính trị, văn hóa, ngoại giao, an ninh quốc phòng...) có thể làm gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng, song cũng có thể làm suy yếu sức mạnh của một quốc gia tùy thuộc vào cách họ ứng phó với cuộc khủng hoảng và các mối QHQT. Tác động của truyền thông trong khủng hoảng ở cấp độ quốc gia xuất phát từ việc chủ thể (nhà nước) sử dụng truyền thông để thể hiện quan điểm, thái độ đối với cuộc khủng hoảng. Các thông tin đó thường phù hợp với chính sách, giá trị và lợi ích của nhà nước, tìm kiếm sự đồng

<sup>19</sup> Lý Thị Hải Yến (chủ biên), *Giáo trình Truyền thông và Quan hệ quốc tế*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2020, 175.

<sup>20</sup> Đào Minh Hồng - Lê Hồng Hiệp (chủ biên), “Sổ tay thuật ngữ Quan hệ quốc tế,” <http://nghiencuuquocte.org/2015/01/02/cac-cap-phan-tich/>.

thuận, ủng hộ của công chúng trong nước và quốc tế, góp phần tăng cường sức mạnh mềm và các mối QHQT. Bên cạnh đó, truyền thông cũng được sử dụng để can thiệp vào các luồng thông tin mà chủ thể quốc gia không mong muốn; các yếu tố, mô hình và quá trình truyền thông gây bất lợi cho các chính sách và lợi ích của đất nước mình. Việc nhân rộng mô hình truyền thông có lợi sẽ giúp mở rộng tầm ảnh hưởng, khẳng định quan điểm của chủ thể quốc gia trong cuộc khủng hoảng và trên trường quốc tế. Trong quá trình thực thi, ngoài việc gia tăng sức mạnh cho quốc gia, ủng hộ và thông tin phù hợp với mục đích của chủ thể thì truyền thông cũng có thể cản trở, phản biện các chính sách của quốc gia đó nếu chính phủ áp dụng các chính sách sai lầm, không thực thi một cách có kế hoạch và phù hợp với lợi ích quốc gia. Qua đó truyền thông sẽ làm suy yếu sức mạnh mềm, ảnh hưởng xấu tới hình ảnh quốc gia khi ứng phó với cuộc khủng hoảng và gây bất lợi đến các mối QHQT của chính quốc gia đó.

Ở cấp độ cá nhân: tác động tới những người có ảnh hưởng lớn trong xã hội và những người chịu trách nhiệm ra quyết định ứng phó với khủng hoảng ngoại giao. Trong cuộc khủng hoảng, truyền thông tác động tới các cá nhân có tầm ảnh hưởng của quốc gia và chính hoạt động của các cá nhân này tác động tới diễn biến, kết quả của sự kiện cũng như tác động tới các mối QHQT của họ. Các cá nhân lãnh đạo quốc gia là những người có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các mối QHQT, ra quyết định và chịu trách nhiệm quyết định các vấn đề với vai trò là người đại diện cho quốc gia. Vì vậy mà thông điệp của các nhà lãnh đạo thường được chú ý đặc biệt. Thông điệp của họ không chỉ nhanh chóng được công chúng toàn cầu biết tới, mà còn thể hiện tính công khai minh bạch như một sự cam kết, hay quan điểm chính thức về những chính sách, quyết định được đưa ra. Mặc khác, trong bối cảnh hiện nay, truyền thông cũng tạo ra sức ép phản ứng nhanh, buộc các nhà lãnh đạo phải đưa ra các quyết định kịp thời, hoặc không thể trì hoãn mà phải gần như ngay lập

tức khi có sự kiện xảy ra. Đây là một thách thức không dễ cho tất cả các chính khách khi đối diện với những tình huống khủng hoảng. Bên cạnh đó, với các cá nhân là các nhà phân tích, nhà quan sát quốc tế, cũng có thể dẫn dắt dư luận tạo ra các luồng công luận toàn cầu, mặt khác, các cá nhân này cũng tham gia đề xuất về mặt chính sách, dự báo về diễn biến cuộc khủng hoảng cũng như những tác động có thể xảy ra trong QHQT. Phân tích ở cấp độ cá nhân - các nhà lãnh đạo trong khủng hoảng ngoại giao là việc đánh giá, xem xét các phát ngôn, hành vi khi đưa ra các quyết định quan trọng trong việc phản ứng, xử lý khủng hoảng thay mặt các chủ thể nhà nước.

Vận dụng khung phân tích trên, các tác giả phân tích một số trường hợp khủng hoảng ngoại giao để làm rõ các luận điểm đã nêu.

*Cuộc khủng hoảng ngoại giao Vùng Vịnh năm 2017* cho thấy vai trò then chốt của truyền thông trong định hình cục diện chính trị khu vực và quốc tế. Trên bình diện toàn cầu, truyền thông vừa huy động lực lượng quốc tế, vừa tạo chia rẽ giữa các quốc gia. Nga, phương Tây và nhiều cường quốc châu Á phản đối lệnh phong tỏa, kêu gọi đối thoại,<sup>21</sup> trong khi nội bộ nhóm Hội đồng hợp tác vùng Vịnh (GCC) rạn nứt nghiêm trọng khi Ả-rập Xê-út, UAE và Ba-ranh cắt quan hệ với Ca-ta, hình thành hai phe đối lập và làm suy yếu khối.<sup>22</sup> Ở cấp quốc gia, Ca-ta tận dụng Al Jazeera để củng cố lòng dân, kêu gọi ủng hộ quốc tế và quảng bá hình ảnh đất nước, trong khi các nước vùng Vịnh khác đẩy mạnh cuộc chiến thông tin, lan truyền “tin giả” nhằm gây áp lực. Khủng hoảng này trở thành bước ngoặt ngoại giao, đồng thời đẩy lên lo ngại về

<sup>21</sup> Emirates News Agency, “Diplomacy is the priority in settling crisis with Qatar; a failure to respond means separation: Anwar Gargash,” 24/6/2017, <https://www.wam.ae/en/details/1395302620592>.

<sup>22</sup> “Saudi Arabia, UAE, Egypt, Bahrain cut ties to Qatar,” *Al Jazeera*, 5/6/2017, <https://www.aljazeera.com/news/2017/6/5/saudi-arabia-uae-egypt-bahrain-cut-ties-to-qatar?>

hệ lụy kinh tế nếu Qatar bị cô lập lâu dài. Về cấp độ cá nhân, lãnh đạo Ca-ta theo đuổi đối thoại hòa bình nhưng không nhượng bộ, còn lãnh đạo các nước Arab tăng cường chỉ trích và ép buộc Ca-ta tuân theo yêu sách.<sup>23</sup> Nhìn chung, truyền thông không chỉ phản ánh mà còn chi phối tiến trình ngoại giao, trở thành “vũ khí mềm” trong cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia vùng Vịnh.

*Trong vụ đầu độc cựu điệp viên Nga Sergei Skripal năm 2018, ở cấp độ toàn cầu, truyền thông Anh và Nga đều đẩy mạnh đưa tin nhằm kêu gọi ủng hộ trong nước và từ các đồng minh quốc tế. Truyền thông Anh (The Guardian, BBC) liên tục nhấn mạnh sự đồng tình của các nước phương Tây, thúc đẩy hành động tập thể trục xuất nhà ngoại giao Nga tại hơn 20 quốc gia.<sup>24</sup> Ngược lại, truyền thông Nga (RT, TASS, The Moscow Times) cáo buộc Anh và phương Tây dẫn dắt chiến dịch chống Nga, đồng thời đáp trả bằng trục xuất nhân viên ngoại giao và đóng cửa các cơ sở của Anh, Mỹ tại Nga.<sup>25</sup> Ở cấp độ quốc gia, truyền thông đã củng cố sự đoàn kết giữa Anh và các đồng minh, xóa bỏ nghi ngờ rạn nứt sau Brexit,<sup>26</sup> trong khi Nga dùng báo chí như công cụ quyền lực mềm để bảo vệ hình ảnh quốc gia. Ở cấp độ cá nhân, các lãnh đạo hai bên như Theresa May, Boris Johnson và Tổng thống Putin tận dụng truyền thông để công khai lập trường, thể hiện tiếng nói đại diện cho lợi ích quốc gia, đồng thời phản ứng trực tiếp với đối phương.*

<sup>23</sup> “Saudi Arabia suspends any dialogue with Qatar,” *Reuters*, 9/9/2017, <https://www.reuters.com/article/us-gulf-qatar/saudi-crown-prince-talks-with-qatari-emir-on-gulf-crisis-idUSKCN1BJ2OW>.

<sup>24</sup> “Allies back UK to condemn Russia over Salisbury nerve agent attack,” *Guardian*, 15/3/2018, <https://www.theguardian.com/uk-news/2018/mar/15/allies-uk-condemn-russia-salisbury-nerve-spy-agent-skripal>.

<sup>25</sup> “European countries expel Russian diplomats over ex-spy’s poisoning,” *Tass*, 26/3/2018, <https://tass.com/world/996120?>

<sup>26</sup> “Allies back UK to condemn Russia over Salisbury nerve agent attack,” *Guardian*, 15/3/2018, <https://www.theguardian.com/uk-news/2018/mar/15/allies-uk-condemn-russia-salisbury-nerve-spy-agent-skripal>.

Qua hai sự kiện tiêu biểu - khủng hoảng ngoại giao Vùng Vịnh 2017 và vụ đầu độc cựu điệp viên Nga Sergei Skripal 2018 - có thể thấy truyền thông đã vượt ra khỏi vai trò thông tin thuần túy, trở thành công cụ quyền lực mềm có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến tiến trình ngoại giao và cục diện chính trị quốc tế. Ở cả cấp độ toàn cầu, quốc gia và cá nhân, truyền thông không chỉ định hướng dư luận mà còn góp phần hình thành liên minh, khoét sâu chia rẽ, cũng như thúc đẩy các quyết định mang tính chiến lược. Trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ, truyền thông đã trở thành một “chiến trường” hiện đại, nơi các quốc gia không chỉ cạnh tranh và đấu tranh thông tin, mà còn khẳng định vị thế và bảo vệ lợi ích quốc gia trên trường quốc tế.

### **Kết luận**

Trong quan hệ quốc tế, khủng hoảng ngoại giao là một tình huống nghiêm trọng, thường bắt nguồn và có liên kết chặt chẽ đến sự cố ngoại giao. Khủng hoảng ngoại giao có thể làm thay đổi bản chất mối quan hệ giữa các quốc gia, là cơ chế điều chỉnh nguyên tắc quốc tế, đồng thời kích động sự chú ý truyền thông quốc tế và sự quan tâm của công chúng.

Truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao là quá trình truyền tải và lan truyền thông tin của các chủ thể truyền thông quốc gia và quốc tế, thông qua diễn ngôn, văn bản hoặc các hình thức khác trên các phương tiện truyền thông đại chúng để bày tỏ quan điểm, lập trường của mỗi bên về cuộc khủng hoảng đặt trong QHQT và toàn cầu. Hiện nay, truyền thông có ba vai trò chính trong khủng hoảng ngoại giao là: (i) phương tiện kết nối - giao tiếp giữa nhà nước và nhân dân; (ii) thúc đẩy sự lên tiếng của các chủ thể trong khủng hoảng ngoại giao; (iii) định hướng dư luận một cách có chủ đích theo các chiều hướng khác nhau. Tác động của truyền thông đối với khủng hoảng ngoại giao diễn ra trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau và trên các cấp

độ khác nhau như cấp độ cá nhân, cấp độ quốc gia, cấp độ khu vực và toàn cầu. Truyền thông trong khủng hoảng ngoại giao có thể làm gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng, song cũng có thể làm suy yếu sức mạnh của một quốc gia tùy thuộc vào cách họ ứng phó với cuộc khủng hoảng và các mối quan hệ quốc tế./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

#### **Tiếng Việt**

1. Vũ Dương Huân. *Ngoại giao và công tác ngoại giao*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2015.
2. Nguyễn Thị Hồng Nam, chủ biên. *Truyền thông quốc tế lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb. Thông tấn, 2016.
3. Đào Minh Hồng - Lê Hồng Hiệp (chủ biên). “Sổ tay thuật ngữ QHQT.” <http://nghiencuuquocte.org/2015/01/02/cac-cap-phan-tich/>.
4. Lý Thị Hải Yến (chủ biên). *Giáo trình Truyền thông và Quan hệ quốc tế*. Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2020.
5. Phạm Thái Việt, Lý Thị Hải Yến. *Ngoại giao văn hóa - Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng*. Hà Nội: Nxb Chính trị - Hành Chính, 2012.

#### **Tiếng Anh**

6. Gamson, William A. “Goffman’s legacy to political sociology.” *Theory and society* 14, no. 5 (1985).
7. McNair, Brian. “An Introduction to Political Communication.” In *Communication and Society*. Volume 1. Routledge, 5th Edition. 2011.

8. Goffman, Erving. “Frame analysis: An essay on the organization of experience.” Northeastern University Press, 1974.
9. Berridge, G. R. and Alan James. *A Dictionary of Diplomacy*. Palgrave Macmillan UK, 2nd Edition, 2003.
10. McCombs, Maxwell E., Donald L. Shaw, and David H. Weaver. “New directions in agenda-setting theory and research.” In *Advances in foundational mass communication theories*. Routledge, 2018.
11. Richardson, James L. *Crisis Diplomacy: The Great Powers since the Mid-Nineteenth Century*. Cambridge University Press, 1994.